

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNCT ngày tháng năm 20 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)

**Tên chương trình** : Chương trình đào tạo cử nhân Kế toán  
**Trình độ đào tạo** : Đại học hệ chính quy  
**Ngành đào tạo** : Kế toán  
**Mã số** : 7340301

### 1. Mục tiêu đào tạo:

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, kế toán - kiểm toán; có năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán. Sinh viên tốt nghiệp làm việc ở các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

##### 1.2.1. Kiến thức:

- Nắm được những kiến thức cơ bản về kinh tế, pháp luật, kế toán, bao gồm các kiến thức chung về tài chính kế toán doanh nghiệp và các kiến thức chuyên sâu về kế toán.

##### 1.2.2. Về kỹ năng:

- Có khả năng giao tiếp, ứng xử và phong cách hội nhập với nền kinh tế, xã hội trong thời kỳ hội nhập.

- Có năng lực thực hành thành thạo một số nghiệp vụ chủ yếu của kế toán để có thể làm việc được ngay sau khi tốt nghiệp, đặc biệt là các kỹ năng kế toán doanh nghiệp, kỹ năng phân tích đánh giá hoạt động kinh doanh, thẩm định dự án đầu tư.

- Có khả năng làm việc độc lập khi được phân công nhiệm vụ. Biết vận dụng một cách sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.

- Có khả năng tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Biết thu thập, tổng hợp và phân tích các dữ liệu để phục vụ việc khai thác, thực hành nghiệp vụ kế toán.

##### 1.2.3. Thái độ:

- Có khả năng tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn.

##### 1.2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Người tốt nghiệp có nhiều cơ hội việc làm ở các vị trí: kế toán tổng hợp, thủ quỹ, kho, kế toán viên, nhân viên hỗ trợ kiểm toán, hay các vị trí liên quan đến tài chính, đánh giá đầu tư, kế toán chi, kế toán thu ... trong doanh nghiệp, tổ chức quỹ tín dụng, cơ quan bảo hiểm và đơn vị cơ quan thuộc các thành phần kinh tế khác nhau trên địa bàn cả nước.

#### **1.2.5. Ngoại ngữ, Tin học**

- Đạt kỹ năng về tiếng Anh, tin học và nghề nghiệp theo quy định chung của Nhà trường để nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Kiến thức**

- Hiểu, vận dụng chính sách pháp luật của Nhà nước về kinh tế
- Hiểu, vận dụng các quy luật cơ bản trong lĩnh vực xã hội, tự nhiên vào việc giải thích, phân tích các vấn đề kinh tế;
- Vận dụng các quy luật kinh tế, kiến thức quản trị kinh doanh để giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Có kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, tài chính, thuế; Vận dụng các chính sách và phương pháp kế toán phù hợp với các loại hình doanh nghiệp;
- Nắm chắc hệ thống kiểm soát nội bộ trong các loại hình doanh nghiệp, quy trình kiểm toán;
- Phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề về kế toán, tài chính, thuế một cách khoa học nhằm tham mưu đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và hoạch định chính sách tài chính trong các tổ chức kinh tế;
- Thiết kế quy trình tổ chức công tác kế toán, quy trình hạch toán các nghiệp vụ kế toán, kiểm toán trong các loại hình doanh nghiệp.

### **2.2. Kỹ năng**

- Sử dụng thành thạo hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán - kiểm toán, sửa chữa các sai phạm cơ bản trong hoạt động kế toán phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp;
- Lập, đọc và phân tích các báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị, báo cáo thuế, báo cáo kiểm toán theo chế độ và chuẩn mực kế toán, kiểm toán Việt Nam hiện hành;
- Kiểm tra việc chấp hành chế độ, chính sách về kế toán, tài chính và thuế tại doanh nghiệp;
- Tra cứu, khai thác và sử dụng các thông tin liên quan đến kế toán, kiểm toán, tài chính, thuế một cách hiệu quả;
- Sử dụng thành thạo phần mềm ứng dụng chuyên ngành vào xử lý thông tin kế toán;

### 2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp;
- Có phương pháp làm việc khoa học, tư duy sáng tạo, biết phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đối với ngành Kế toán;
- Có tinh thần học tập không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;
- Có tinh thần hợp tác và tính cộng đồng trong công việc và đời sống.

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 125 tín chỉ (Không kể các kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh)

Khối lượng kiến thức	Số TC
<b>A. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>37</b>
1. Lý luận chính trị	10
2. Khoa học xã hội và nhân văn	6
3. Ngoại ngữ	9
4. Toán và khoa học tự nhiên	12
<b>B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>88</b>
1. Khối kiến thức cơ sở của khối ngành	6
2. Khối kiến thức cơ sở của ngành	14
3. Khối kiến thức ngành	45
4. Khối kiến thức bổ trợ	13
5. Tốt nghiệp	10

### 4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, tuyển sinh trong cả nước

### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

#### 5.1. Quy trình đào tạo

- Thực hiện đúng Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

#### 5.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.
- Đạt trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường.
- Đạt chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh; Giáo dục thể chất; Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp.

### 6. Cách thức đánh giá

- Thực hiện đúng Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

**7. Nội dung chương trình đào tạo: 125 TC****7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 37 TC****• Lý luận chính trị: 10 TC**

STT	Tên học phần	Tên học phần tiếng Anh	Mã số	TC
1	Triết học	Philosophy;		2
2	Kinh tế chính trị	Political Economics		2
3	CNXH Khoa học	Scientific Socialism,		1
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology		2
5	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Revolutionary directions of Vietnam Communist Party		3

**• Khoa học xã hội và nhân văn: 6 TC**

STT	Tên học phần	Tên học phần tiếng Anh	Mã số	TC
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>2</b>
1	Pháp luật đại cương	General Law		2
<b>Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)</b>				<b>4</b>
1	Giao tiếp kinh doanh*	Business Communication		2
2	Tâm lý học ứng dụng kinh doanh	Applied psychology in business		2
3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	History of economic theories		2
4	Hành vi khách hàng*	Consumer behaviors		2

**• Ngoại ngữ: 9 TC**

STT	Tên học phần	Tên Tiếng Anh	Mã số	TC
1	Tiếng Anh căn bản 1	English 1		3
2	Tiếng Anh căn bản 2	English 2		3
3	Tiếng Anh căn bản 3	English 3		3

**• Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 12 TC**

STT	Tên học phần	Tên Tiếng Anh	Mã số	TC
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>9</b>
1	Toán cao cấp	Advanced mathematics		3
2	Tin học căn bản	Basic informatics		3
3	Lý thuyết xác suất và thống kê	Basic probability and statistics		3
4	Kinh tế lượng	Econometrics		3

**• Giáo dục thể chất: 3 TC****• Giáo dục quốc phòng – An ninh: 8 TC**

## 7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 88 TC

- Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 TC

STT	Tên học phần	Tên Tiếng Anh	Mã số	TC
1	Kinh tế vi mô	Microeconomics		3
2	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics		3
	<b>Tổng cộng</b>			<b>6</b>

- Kiến thức cơ sở của ngành: 14 TC

STT	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Mã số	TC
1	Quản trị học	Fundamentals of management		3
2	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	Theory of finance and money		3
3	Marketing căn bản	Fundamentals of marketing		3
4	Luật kinh tế	Business laws		2
5	Nguyên lý kế toán	Principles of accounting		3
	<b>Tổng cộng</b>			<b>15</b>

- Kiến thức ngành và chuyên ngành: 45 TC

STT	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Mã số	TC
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>41</b>
1	Kế toán tài chính 1	Financial accounting 1		3
2	Kế toán tài chính 2	Financial accounting 2		3
3	Kế toán tài chính 3	Financial accounting 3		3
4	Kế toán chi phí	Cost accounting		3
5	Kế toán quản trị	Managerial accounting		3
6	Kế toán thuế	Tax accounting		2
7	Quản trị tài chính	Corporate finance		3
8	Kiểm toán 1	Auditing		3
9	Kiểm toán 2	Auditing 2		3
10	Thuế	Taxation		2
11	Pháp luật kế toán	Accounting laws		2
12	Phân tích báo cáo tài chính	Financial statement analysis		2
13	Phần mềm kế toán	Accounting softwares		2
14	Chuẩn mực kế toán	Accounting standards		3
15	Kế toán đơn vị sự nghiệp	Administrative accounting		2
16	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Commercial banking		2
<b>Học phần tự chọn</b>				<b>4</b>
1	Kế toán ngân hàng*	Bank accounting		2
2	Thanh toán quốc tế*	International payments		2
3	Thẩm định tín dụng	Credit appraisals		2
4	Đạo đức kinh doanh	Business ethics		2
	<b>Tổng cộng</b>			<b>45</b>

• **Kiến thức bổ trợ ngành: 13 TC**

STT	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Mã số	TC
1	Tiếng Anh chuyên ngành	English for accounting		3
2	Kế toán Mỹ	American accounting		2
3	PP nghiên cứu trong kinh tế	Research methods in business		2
4	Thị trường tài chính	Financial markets		3
5	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting info. system		3
	<b>Tổng cộng</b>			<b>13</b>

• **Thực tập tốt nghiệp và khoá luận tốt nghiệp: 10 TC**

STT	Thực tập & khoá luận tốt nghiệp	Internship & graduation Paper	Mã số	TC
1	Thực tập tốt nghiệp	Internship		4
2	Khoá luận tốt nghiệp	Graduation paper		6
<b>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>				<b>6</b>
1	Thiết lập và thẩm định dự án	Setting & evaluation of investment projects		3
2	Phân tích hoạt động kinh doanh	Business analysis		3
	<b>Tổng cộng</b>			<b>10</b>

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY**

**Học kỳ 1**

STT	Tên học phần	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Toán cao cấp	3	45	3	45		
2	Triết học	2	30	2	30		
3	Lý thuyết Xác suất và thống kê toán	3	45	3	45		
4	Tin học căn bản	3	30	2	30	1	30
5	Anh văn căn bản 1	3	45	3	45		
6	Giáo dục quốc phòng - an ninh			5	75	3	90
7	Giáo dục thể chất 1					1	30
	<b>Cộng</b>	<b>14</b>	<b>210</b>	<b>14</b>	<b>210</b>		

(chưa tính khối lượng tín chỉ GDQPAN và GDTC)

**Học kỳ 2**

STT	Tên học phần	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>14 TC</b>					
1	Kinh tế vi mô	3	60	3	45		

STT	Tên học phần	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
2	Kinh tế chính trị	2	30	2	30		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	15	1	15		
4	Pháp luật đại cương	2	30	2	30		
5	Anh văn căn bản 2	3	45	3	45		
6	Anh văn căn bản 3	3	45	3	45		
7	Giáo dục thể chất 2					1	30
<b>Học phần tự chọn</b>		<b>2 TC</b>					
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30	2	30		
2	Giao tiếp trong kinh doanh*	2	30	2	30		
	<b>Cộng</b>	<b>16</b>	<b>225</b>	<b>16</b>	<b>225</b>		

### Học kỳ 3

STT	Học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>14 TC</b>					
1	Giáo dục thể chất 3					1	30
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	2	30		
3	Kinh tế vĩ mô	3	45	3	45		
4	Quản trị học	3	45	3	45		
5	Nguyên lý kế toán	3	45	3	45		
6	Lý thuyết Tài chính- Tiền tệ	3	45	3	45		
<b>Học phần tự chọn</b>		<b>2 TC</b>					
1	Hành vi khách hàng*	2	30	2	30		
2	Tâm lý học ứng dụng trong KD	2	30	2	30		
	<b>Cộng</b>	<b>16</b>	<b>240</b>	<b>16</b>	<b>240</b>		

### Học kỳ 04

STT	Học phần	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>14 TC</b>					
1	Kế toán tài chính 1	3	45	3	45		
2	Luật kinh tế	2	30	2	30		
3	Marketing căn bản	3	45	3	45		
4	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	45	3	45		
5	Kinh tế lượng	3	45	3	45		
6	Pháp luật kế toán	2	30	2	30		
	<b>Cộng</b>	<b>16</b>	<b>240</b>	<b>16</b>	<b>240</b>		

### Học kỳ 5

STT	Tên học phần	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
<b>Học phần bắt buộc (15 TC)</b>							
1	Kế toán tài chính 2	3	45	3	45		
2	Kế toán quản trị	3	45	3	45		
3	Anh văn chuyên ngành	3	45	3	45		
4	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	30	2	30		
5	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	2	30	2	30		
6	Thuế	2	30	2	30		
<b>Học phần tự chọn (2 TC)</b>							
1	Kế toán ngân hàng*	2	30	2	30		
2	Đạo đức kinh doanh	2	30	2	30		
	<b>Cộng</b>	<b>17</b>	<b>255</b>	<b>17</b>	<b>255</b>		

### Học kỳ 6

STT	Tên học phần	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
<b>Học phần bắt buộc 15 TC</b>							
1	Kế toán tài chính 3	3	45	3	45		
2	Kế toán và khai báo thuế	2	30	2	30		
3	Kiểm toán căn bản	3	45	3	45		
4	Phần mềm kế toán	2	30	2	30		
5	Kế toán chi phí	3	45	3	45		
6	Kế toán đơn vị sự nghiệp	2	30	2	30		
<b>Học phần tự chọn (2 TC)</b>							
1	Thanh toán quốc tế*	2	30	2	30		
2	Thẩm định tín dụng	2	30	2	30		
	<b>Cộng</b>	<b>17</b>	<b>255</b>	<b>17</b>	<b>255</b>		

### Học kỳ 7

STT	Tên học phần	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Phân tích báo cáo tài chính	2	30	2	30		
2	Hệ thống thông tin kế toán	3	45	3	45		
3	Kế toán Mỹ	2	30	2	30		
4	Kiểm toán 2	3	45	3	45		
5	Thị trường tài chính	3	45	3	45		
6	Quản trị tài chính	3	30	3	45		
	<b>Cộng</b>	<b>16</b>	<b>240</b>	<b>16</b>	<b>240</b>		

## Học kỳ 8

STT	Tên học phần	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>7 TC</b>					
1	Thực tập cuối khóa (Kế toán)	4	120			4	120
2	Chuẩn mực kế toán	3	45	3	45		
<b>Học phần bắt buộc (khóa luận hoặc 2 môn học)</b>		<b>6 TC</b>					
1	Khóa luận tốt nghiệp	6	180			6	180
<i>Nếu không làm khoá luận sẽ học 2 môn thay thế</i>							
2	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	3	45		
3	Thiết lập và Thẩm định dự án đầu tư	3	45	3	45		
	<b>Cộng</b>	<b>13</b>		<b>9</b>	<b>135</b>	<b>10</b>	<b>300</b>

### 8. Hướng dẫn thực hiện

#### 8.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Đội ngũ cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.
- Có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

#### 8.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên viết tiểu luận, đề án. Giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

#### 8.3. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.
- Chủ động, tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.
- Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn-thể-mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người.

#### **8.4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và thực hành, thực tập.**

- Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị công cụ hỗ trợ giảng dạy (projector), tăng âm.
- Phòng thực hành máy tính được cài đặt các phần mềm phục vụ đào tạo tin học căn bản, tin học ứng dụng thiết kế, mô phỏng các quá trình.
- Chương trình ngành kế toán được thiết kế đơn ngành.

**Khoa Kinh tế**

**Phòng Đào tạo**

**Hiệu trưởng**